

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **134/2023/KDTM-ST**

Ngày: 31/7/2023

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lý Văn Huệ;
- Ông Nguyễn Đình Phúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 37/2023/TLST-KDTM ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2834/2023/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 4160/2023/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4258/2023/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4768/2023/QĐST-KDTM ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần P

Trụ sở chính: Số 41 (tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của tòa nhà) và số D, đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bảo T, sinh năm 1976 - Là đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 123/2021/UQ-OCB ngày 24/5/2021); Địa chỉ: Lầu B, số D, đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên T1

Trụ sở chính: C27, khu chợ ấp B (ấp 6 cũ), xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Đoàn Văn N, sinh năm 1975; Địa chỉ: C27, khu chợ ấp B (ấp 6 cũ), xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Bảo T vắng mặt (do có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn đề nghị xét xử vắng mặt và quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P do ông Nguyễn Bảo T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22/02/2017, Công ty TNHH Một thành viên T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN. Nội dung hợp đồng thể hiện việc Ngân hàng cho Công ty T1 vay số tiền là 1.190.000.000 đồng nhằm mục đích vay là để thanh toán tiền mua 01 xe ô tô tải hiệu Dongfeng HGA/L340 30-TMN 10x4, tải trọng 21,500 kg, sản xuất và nhập khẩu năm 2015, mới 100% theo Hợp đồng mua bán xe số 09/12/HĐKT-HGA ngày 18/12/2016 giữa Công ty T1 ký với Công ty T2, thời hạn vay là 48 tháng (kể từ ngày rút vốn đầu tiên), lãi suất vay được áp dụng là lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất trong đó: Lãi suất cơ sở bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm tính lãi và biên độ lãi suất: Tối thiểu 4%/năm. Trường hợp bên vay đáp ứng đủ các điều kiện giải ngân theo gói lãi suất ưu đãi do khối khách hàng doanh nghiệp/SME ban hành thì được áp dụng lãi suất ưu đãi theo đúng quy định, mức lãi suất ưu đãi áp dụng 12 tháng đầu lãi suất tối thiểu: 7,99%/năm, từ tháng thứ 13 trở đi: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất. Thay đổi lãi suất là việc Ngân hàng được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Đến ngày 09/3/2017, hai bên ký tiếp Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN, theo đó hai bên thỏa thuận cho Công ty T1 vay số tiền là 1.663.000.000 đồng với mục đích vay như sau: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô tải hiệu Foton, số loại Thaco Auman C160/C170-CS/MB1, lắp ráp tại Việt Nam, sản xuất năm 2017, mới 100% theo Hợp đồng mua bán xe số 103/2017/HĐMB-TMBH ngày 10/02/2017 giữa Công ty T1 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên S. Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô tải hiệu Dongfeng HGA/L340 30-TMN 10x4, tải trọng 21,500 kg, sản xuất và nhập khẩu năm 2015, mới 100% theo Hợp đồng mua bán xe số 01/03/HĐKT-HGA ngày 01/3/2017 giữa Công ty T1 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T2. Thời hạn vay là 48 tháng (kể từ ngày rút vốn đầu tiên), lãi suất vay được áp dụng là lãi suất cho vay thả nổi, lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần theo công thức tính lãi như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất trong đó: Lãi suất cơ sở bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 13 tháng trả lãi cuối kỳ do Ngân hàng công bố tại thời điểm tính lãi và biên độ lãi suất là tối thiểu 4%/năm. Trường hợp bên vay đáp ứng đủ các điều kiện giải ngân theo gói lãi suất ưu đãi do khối khách hàng doanh nghiệp/SME ban hành thì được áp dụng lãi suất ưu đãi theo đúng quy định, mức lãi suất ưu đãi áp dụng 12 tháng đầu lãi suất tối thiểu: 7,99%/năm, từ tháng thứ 13 trở đi: Lãi suất cho vay

(điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất. Thay đổi lãi suất là việc do Ngân hàng được quyền điều chỉnh, thay đổi kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cơ sở, biên độ lãi suất và/hoặc phương thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Việc giải ngân được thực hiện thông qua các khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa Ngân hàng với Công ty T1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty T1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền của 02 hợp đồng tín dụng bao gồm: Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017 và Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017 là 1.634.161.716 đồng (bao gồm: Tiền gốc là 1.463.226.235 đồng và tiền lãi là 170.935.481 đồng). Căn cứ theo Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017 và Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017, Ngân hàng được quyền quyết định thứ tự thu các khoản nợ sau: Phí, tiền phạt, nợ lãi quá hạn, nợ gốc quá hạn, nợ lãi trong hạn, nợ gốc trong hạn, các khoản phải trả khác (nếu có).

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017 Công ty T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền đến ngày 31/7/2023 là 820.845.235 đồng (bao gồm: Tiền gốc là 731.609.611 đồng, tiền lãi là 89.235.624 đồng). Số tiền nợ còn lại Công ty T1 chưa thanh toán tính đến ngày 31/7/2023 là 1.100.604.064 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 458.390.389 đồng, nợ lãi là 642.213.675 đồng).

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017 Công ty T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền đến ngày 31/7/2023 là 813.316.481 đồng (bao gồm: Tiền gốc là 731.616.624 đồng, tiền lãi là 81.699.857 đồng). Số tiền nợ còn lại Công ty T1 chưa thanh toán tính đến ngày 31/7/2023 là 1.107.257.089 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 458.383.376 đồng, nợ lãi là 648.873.713 đồng).

Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T1 thanh toán số tiền của Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017 và Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017 và các khế ước nhận nợ đã được ký kết giữa Ngân hàng với Công ty T1 còn lại tính đến ngày 31/7/2023 là 2.207.861.153 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 916.773.765 đồng và nợ lãi là 1.291.087.388 đồng). Và Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các hợp đồng tín dụng đã ký. Thanh toán ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Trong vụ án này Ngân hàng chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng tín dụng, Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng thế chấp mà các bên đã giao kết liên quan đến hai hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty T1 và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Đoàn Văn N đã được thông báo hợp lệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên Tòa án không thu thập được ý kiến và tài liệu chứng cứ của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì về tố tụng. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017 và Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017 giữa các bên và Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty T1 thanh toán số tiền của hai hợp đồng tín dụng còn lại tính đến ngày 31/7/2023 là 2.207.861.153 đồng (bao gồm nợ gốc là 916.773.765 đồng và nợ lãi là 1.291.087.388 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 cho đến khi bị đơn trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (sau đây gọi tắt Ngân hàng) và bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T1 (sau đây gọi tắt là Công ty T1) giao kết hợp đồng tín dụng ngày 22/02/2017 và hợp đồng tín dụng ngày 09/3/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ còn thiếu theo thỏa thuận của các bên. Khoản 3 Điều 11 của Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017 và Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017 giữa các bên đã thỏa thuận Tòa án có thẩm quyền nơi có trụ sở chính hoặc nơi có chi nhánh của nguyên đơn để giải quyết. Nguyên đơn Ngân hàng có địa chỉ trụ sở chính tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về việc vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017, Khế ước nhận nợ số 01/2017-OCB/KUNN-DN ngày 23/02/2017 và Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017, Khế ước nhận nợ số 02/2017-

OCB/KUNN-DN ngày 09/3/2017 có chữ ký xác nhận của đại diện theo pháp luật của bị đơn và đại diện Ngân hàng có cơ sở xác định vào ngày 22/02/2017 và ngày 09/3/2017 Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T1 với tổng số tiền của hai hợp đồng tín dụng là 2.853.000.000 đồng, mục đích mua xe ô tô. Việc giao kết hợp đồng tín dụng ngày 22/02/2017 và hợp đồng tín dụng ngày 09/3/2017 giữa Ngân hàng và Công ty T1 là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

[4]. Theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, các bên đã thỏa thuận thời hạn vay 48 tháng, lãi suất cho vay là 7,99%/tháng trong 12 tháng đầu, từ tháng thứ 13 trở đi thay đổi 06 tháng/lần, bằng lãi suất tiền tiết kiệm 13 tháng do Ngân hàng công bố (trả lãi cuối kỳ) cộng biên độ 4%/năm và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó, đối với Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017 thì hàng tháng vào ngày 05, Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 24.791.666 đồng, kỳ đầu là ngày 05/4/2017, kỳ cuối thanh toán 24.791.698 đồng; đối với Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017 thì hàng tháng vào ngày 10, Công ty T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền 24.792.000 đồng, kỳ cuối thanh toán số tiền 24.776.000 đồng vào ngày đáo hạn khoản vay.

[5]. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, căn cứ Bảng tính lãi tính đến ngày 31/7/2023 thể hiện sau khi được giải ngân số tiền của hai hợp đồng vay là 2.853.000.000 đồng, Công ty T1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền của Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017 và Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017 là 1.634.161.716 đồng (bao gồm: Tiền gốc là 1.463.226.235 đồng và tiền lãi là 170.935.481 đồng). Căn cứ theo Điều 4 của Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017 và Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017, Ngân hàng được quyền quyết định thứ tự thu các khoản nợ sau: Phí, tiền phạt, nợ lãi quá hạn, nợ gốc quá hạn, nợ lãi trong hạn, nợ gốc trong hạn, các khoản phải trả khác (nếu có).

[6]. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017 Công ty T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền đến ngày 31/7/2023 là 820.845.235 đồng (bao gồm: Tiền gốc là 731.609.611 đồng, tiền lãi là 89.235.624 đồng). Số tiền nợ còn lại Công ty T1 chưa thanh toán tính đến ngày 31/7/2023 là 1.100.604.064 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 458.390.389 đồng, nợ lãi là 642.213.675 đồng).

[7]. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017 là 1.634.161.716 đồng Công ty T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền đến ngày 31/7/2023 là 813.316.481 đồng (bao gồm: Tiền gốc là 731.616.624 đồng, tiền lãi là 81.699.857 đồng). Số tiền nợ còn lại Công ty T1 chưa thanh toán tính đến ngày 31/7/2023 là 1.107.257.089 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 458.383.376 đồng, nợ lãi là 648.873.713 đồng).

[8]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đề Công ty T1 có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp các tài liệu

chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên dựa theo bảng sao kê lịch sử thanh toán do Ngân hàng cung cấp, không có chứng cứ nào cho thấy Công ty T1 đã thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn lại cho Ngân hàng. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty T1 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền của Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017 và Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017 tính đến ngày 31/7/2023 là 2.207.861.153 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 916.773.765 đồng và nợ lãi là 1.291.087.388 đồng). Và Công ty T1 có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết kể từ ngày 01/8/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] *Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp kinh doanh thương mại:*

Bị đơn Công ty T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.157.223 đồng. Nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[10]. *Quyền kháng cáo:*

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần P.

Buộc bị đơn Công ty TNHH Một thành viên T1 phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P tổng số tiền còn lại của Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017 và Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017 đã ký giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T1

và Ngân hàng Thương mại Cổ phần P tính đến ngày 31/7/2023 là 2.207.861.153 đồng, trong đó, nợ gốc là 916.773.765 đồng và nợ lãi là 1.291.087.388 đồng.

Kể từ ngày 01/8/2023 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Một thành viên T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 15/2017/HĐTD-DN ngày 22/02/2017, Khế ước nhận nợ số 01/2017-OCB/KUNN-DN ngày 23/02/2017 và Hợp đồng tín dụng số 23/2017/HĐTD-DN ngày 09/3/2017, Khế ước nhận nợ số 02/2017-OCB/KUNN-DN ngày 09/3/2017.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tranh chấp kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Một thành viên T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 76.157.223 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.620.367 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005833 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần P và Công ty TNHH Một thành viên T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tâm

